TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 4463/2023/QĐST-HNGĐ	*Thành phố T, ngày 27 tháng 11 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 2307/2023/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Ông Lương Đình T, sinh năm 1981

Căn cước công dân số xxxxxxxxxxx do Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày xx/yy/zzzz

Thường trú: ấp Q, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai

Địa chỉ liên lạc: số C Đường D, Khu phố B, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bà Lương Thị L, sinh năm 1979

Căn cước công dân số xxxxxxxxxxx do Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày xx/yy/zzzz

Thường trú: số G đường T, Khu phố C, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: số C Đường D, Khu phố B, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Lương Đình T và bà Lương Thị L đã đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số xxx, quyển số 01/2012 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp ngày xx/yy/zzzz.

Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 17/11/2023, ông Lương Đình T và bà Lương Thị L đã thống nhất như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lương Đình T và bà Lương Thị L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: có 02 con chung tên Lương Nguyệt A sinh ngày 21/4/2012 và Lương Phương U sinh ngày 01/6/2016.

Bà Lương Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Lương Nguyệt Á sinh ngày 21/4/2012. Ông Lương Đình T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 4.000.000 (bốn triệu) đồng, bắt đầu thực hiện từ ngày 15/01/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông Lương Đình T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Lương Phương U sinh ngày 01/6/2016. Bà Lương Thị L không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông Lương Đình T và bà Lương Thị L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Lương Đình T và bà Lương Thị L xác định không có.

- Về lệ phí giải quyết việc dân sự: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng ông Lương Đình T và bà Lương Thị L chịu.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 17/11/2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Ông Lương Đình T và bà Lương Thị L thuận tình ly hôn.

1.2 Về con chung: có 02 con chung tên Lương Nguyệt A sinh ngày 21/4/2012 và Lương Phương U sinh ngày 01/6/2016.

Bà Lương Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Lương Nguyệt Á sinh ngày 21/4/2012. Ông Lương Đình T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 4.000.000 (bốn triệu) đồng, bắt đầu thực hiện từ ngày 15/01/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông Lương Đình T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Lương Phương U sinh ngày 01/6/2016. Bà Lương Thị L không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

Kể từ khi bà Lương Thị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Lương Đình T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ cấp dưỡng như trên thì hằng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

1.3 Về tài sản chung: Ông Lương Đình T và bà Lương Thị L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4 Về nợ chung: Ông Lương Đình T và bà Lương Thị L xác định không có.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng ông Lương Đình T và bà Lương Thị L chịu. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng ông Lương Đình T và bà Lương Thị L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2023/0005015 ngày 26/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức. Ông Lương Đình T và bà Lương Thị L đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hánh án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận*:**
- Toà án nhân dân TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND TP.Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;

THẨM PHÁN

- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

Nguyễn Thị Lệ Thủy